Mức xử phạt đối với một số hành vi vi phạm của người điều khiển xe ô tô, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và các loại xe tương tự xe ô tô theo Nghị định số 168/2024/NĐ-CP

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **HÀNH VI VI PHẠM** | **Nghị định số 168/2024/NĐ-CP** |
| **MỨC PHẠT TIỀN** | **TRỪ ĐIỂM /TƯỚC GPLX** |
|  | Không sử dụng hoặc sử dụng đủ đèn chiếu sáng trong thời gian từ 18 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau hoặc khi có sương mù, khói, bụi, trời mưa, thời tiết xấu làm hạn chế tầm nhìn | **800.000đ – 1.000.000đ** |  |
|  | Chuyển hướng không nhường quyền đi trước cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ | **4.000.000đ – 6.000.000đ**+ |  |
|  | Có giấy phép lái xe nhưng đã hết hạn sử dụng dưới 01 năm | **8.000.000đ – 10.000.000đ** |  |
|  | Không có giấy phép lái xe hoặc sử dụng giấy phép lái xe đã bị trừ hết điểm hoặc sử dụng giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp, giấy phép lái xe bị tẩy xóa, giấy phép lái xe không còn hiệu lực | **18.000.000đ – 20.000.000đ** |  |
|  | Không giảm tốc độ (hoặc dừng lại) và nhường đường khi điều khiển xe chạy từ đường không ưu tiên ra đường ưu tiên, từ đường nhánh ra đường chính | **4.000.000đ – 6.000.000đ** | **2 điểm** |
|  | Dùng tay cầm và sử dụng điện thoại hoặc các thiết bị điện tử khác khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông đang di chuyển trên đường bộ | **4.000.000đ – 6.000.000đ** | **4 điểm** |
|  | Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông | **18.000.000đ – 20.000.000đ** | **4 điểm** |
|  | Không chấp hành hiệu lệnh, hướng dẫn của người điều khiển giao thông hoặc người kiểm soát giao thông  | **18.000.000đ – 20.000.000đ** | **4 điểm** |
|  | Đi ngược chiều của đường một chiều, đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”  | **18.000.000đ – 20.000.000đ** | **4 điểm** |
|  | Vận chuyển hàng hóa là phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị kỹ thuật, hàng dạng trụ không chằng buộc hoặc chằng buộc không theo quy định (trừ việc vận chuyển máy móc khổ lớn (quá khổ) trên phương tiện chuyên dùng và phải có giấy phép lưu hành trên đường bộ) | **18.000.000đ – 22.000.000đ** | **4 điểm** |
|  | Chở người trên thùng xe trái quy định; chờ người trên nóc xe; để người đu bám ở cửa xe, bên ngoài thành xe khi xe đang chạy | **4.000.000đ – 6.000.000đ** | **6 điểm** |
|  | Điều khiển xe chạy quá tốc độ trên 35km/h | **12.000.00đ – 14.000.000đ** | **6 điểm** |
|  | Điều khiển xe ô tô gắn biển số không rõ chữ, số hoặc sử dụng chất liệu khác sơn, dán lên chữ, số của biển số xe; gắn biển số bị bẻ cong, che lấp, làm thay đổi chữ, số, màu sắc (của chữ, số, nền biển số xe), hình dạng, kích thước của biển số xe (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) | **20.000.000đ – 26.000.000đ** | **6 điểm** |
|  | Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn chưa vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở | **6.000.000đ – 8.000.000đ** | **4 điểm** |
|  | Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở | **18.000.000đ – 20.000.000đ** | **10 điểm** |
|  | Mở cửa xe, để cửa xe mở không bảo đảm an toàn gây tai nạn giao thông | **20.000.000đ – 22.000.000đ** | **10 điểm** |
|  | Lạng lách, đánh võng trên đường bộ; chạy quá tốc độ đuổi nhau trên đường bộ; dùng chân điều khiển vô lăng xe khi xe đang chạy trên đường bộ | **40.000.000đ – 50.000.000đ** | **10 tháng - 12 tháng** |
|  | Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở | **30.000.000đ – 40.000.000đ** | **22 tháng - 24 tháng** |
|  | Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người thi hành công vụ | **30.000.000đ – 40.000.000đ** | **22 tháng - 24 tháng** |
|  | Điều khiển xe trên đường mà trong cơ thể có chất ma túy hoặc chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng | **30.000.000đ – 40.000.000đ** | **22 tháng - 24 tháng** |
|  | Điều khiển xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ đi vào đường cao tốc | **12.000.00đ – 14.000.000đ** | **4 điểm** |
|  | Dừng xe, đỗ xe trên đường cao tốc không đúng nơi quy định | **12.000.00đ – 14.000.000đ** | **6 điểm** |
|  | Điều khiển xe đi ngược chiều trên đường cao tốc | **30.000.000đ – 40.000.000đ** | **10 điểm** |
|  | Lùi xe trên đường cao tốc | **30.000.000đ – 40.000.000đ** | **10 điểm** |
|  | Quay đầu xe trên đường cao tốc | **30.000.000đ – 40.000.000đ** | **10 điểm** |

+ Mức xử phạt đối với một số hành vi vi phạm của người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **HÀNH VI VI PHẠM** | **Nghị định số 168/2024/NĐ-CP** |
| **MỨC PHẠT TIỀN** | **TRỪ ĐIỂM/TƯỚC****GPLX** |
|  | Đi ngược chiều của đường một chiều | **4.000.000đ – 6.000.000đ** | **2 điểm** |
|  | Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông | **4.000.000đ – 6.000.000đ** | **4 điểm** |
|  | Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 20 km/h | **6.000.000đ – 8.000.000đ** | **4 điểm** |
|  | Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn những chưa vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc chưa vượt quá vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở  | **2.000.000đ – 3.000.000đ** | **4 điểm** |
|  | Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở | **6.000.000đ – 8.000.000đ** | **10 điểm** |
| **6** | Điều khiển xe lạng lách, đánh võng trên đường bộ; sử dụng chân chống hoặc vật khác quệt xuống đường khi xe đang chạy | **8.000.000đ – 10.000.000đ** | **10 tháng - 12 tháng** |
| **7** | Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở | **8.000.000đ – 10.000.000đ** | **22 tháng - 24 tháng** |
| **8** | Điều khiển xe trên đường mà trong cơ thể có chất ma túy hoặc chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng | **8.000.000đ – 10.000.000đ** | **22 tháng - 24 tháng** |
| **9** | Điều khiển xe mô tô đi vào đường cao tốc, trừ xe phục vụ việc quản lý, bảo trì đường cao tốc | **4.000.000đ – 6.000.000đ** | **6 điểm** |
| **10** | Gây tai nạn giao thông không dừng ngay phương tiện, không giữ nguyên hiện trường, không trợ giúp người bị nạn, không ở lại hiện trường hoặc không đến trình báo ngay với cơ quan Công an, Ủy ban nhân dân nơi gần nhất | **8.000.000đ – 10.000.000đ** | **6 điểm** |

+ Một số hành vi bị tịch thu phương tiện theo Nghị định số 168/2024/NĐ-CP

|  |
| --- |
| **Hành vi đối với phương tiện ô tô** |
| **1** | Tái phạm lạng lách đánh võng |
| **2** | Tịch thu phương tiện đối với hành vi điều khiển xe máy chuyên dùng (kể cả rơ moóc được kéo theo) sản xuất, lắp ráp hoặc cải tạo trái quy định tham gia giao thông. |
| **3** | Điều khiển xe quá niên hạn sử dụng tham gia giao thông |
| **4** | Đua xe ô tô, mô tô trái phép trên đường giao thông. |
| **5** | Tái phạm hành vi Không có tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập, tái xuất theo quy định |
| **6** | Tái phạm hành vi điều khiển xe không có phù hiệu kiểm soát theo quy định hoặc có nhưng đã hết giá trị sử dụng hoặc sử dụng phù hiệu không do cơ quan có thẩm quyền cấp |
| **Hành vi đối với phương tiện mô tô** |
| **1** | Buông cả hai tay khi đang điều khiển xe; dùng chân điều khiển xe; ngồi về một bên điều khiển xe; nằm trên yên xe điều khiển xe; thay người điều khiển khi xe đang chạy; quay người về phía sau để điều khiển xe hoặc bịt mắt điều khiển xe; |
| **2** | Điều khiển xe chạy bằng một bánh đối với xe hai bánh, chạy bằng hai bánh đối với xe ba bánh; |
| **3** | Tái phạm lạng lách đánh võng |
| **4** | Tịch thu phương tiện đối với hành vi điều khiển loại xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy được sản xuất, lắp ráp trái quy định tham gia giao thông. |
| **5** | Đua xe gắn máy, xe đạp máy, xe đạp trái phép trên đường giao thông |
| **6** | Tái phạm hành vi Không có tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập, tái xuất theo quy định |
| **7** | Tái phạm hành vi điều khiển xe không có phù hiệu kiểm soát theo quy định hoặc có nhưng đã hết giá trị sử dụng hoặc sử dụng phù hiệu không do cơ quan có thẩm quyền cấp |
| **Hành vi đối với chủ phương tiện: ô tô, mô tô, xe chuyên dùng,** **xe bốn bánh gắn động cơ, các loại xe tương tự…** |
| **1** | Cắt, hàn, tẩy xoá, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ (số máy); đưa phương tiện đã bị cắt, hàn, tẩy xoá, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ (số máy) tham gia giao thông |
| **2** | Cải tạo xe ô tô loại khác thành xe ô tô chở người; |
| **3** | Đưa phương tiện quá niên hạn sử dụng tham gia giao thông |
| **4** | Tái phạm hành vi đưa phương tiện chở quá số người quy định trên 100% |
| **5** | Tái phạm hành vi đưa xe ô tô tải (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) có kích thước thùng xe không đúng với thông số kỹ thuật được ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe tham gia giao thông |
| **6** | Tái phạm hành vi giao cho người làm công hoặc trực tiếp chở hàng quá tải trọng thiết kế, quá tải kéo theo trên 150% |